TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2022/DS - ST.
Ngày: 30 - 5 - 2022.
V/v "Tranh chấp đòi lại tiền đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Kim Phước;

Bà: Trần Thị Thanh Nhanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Buốl – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-DS ngày 18/02/2021 về việc "Tranh chấp đòi lại tiền đặt cọc", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST - DS, ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Số X, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lâm Bảo Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/02/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Trên cơ sở là chỗ làm ăn quen biết nên giữa ông H, bà T với ông Q (ông Q là cò đi thu mua lúa) có thỏa thuận với nhau việc ông H, bà T sẽ giao tiền cọc để ông Q đi thu mua lúa của nông dân, sau đó sẽ giao lúa lại cho ông H, bà T với số lượng và chủng loại mà hai bên thống nhất và ông Q sẽ được hưởng tiền huê hồng từ ông H, bà T sau khi đã đối trừ số tiền cọc mà ông Q đã trả trước cho người bán lúa. Thực hiện thỏa thuận, ngày 22/8/2020 vợ ông H là bà T có chuyển

tiền cọc cho ông Lâm Bảo Q số tiền là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo 02 phiếu chuyển số 0179782008232969 và 01797802008232970 tại Điện Máy Xanh huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; đến ngày 01/9/2020 ông H chuyển cho ông Q số tiền là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng) theo phiếu chuyển tại Ngân hàng Agribank huyện Lai Vung vào số tài khoản 7600205571062 chủ tài khoản tên Lâm Bảo Q; đến ngày 22/9/2020 ông H chuyển tiếp cho ông Q số tiền là 72.000.000đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) theo phiếu chuyển tại Ngân hàng Agribank thành phố Sa Đéc vào số tài khoản 7600205571062 chủ tài khoản tên Lâm Bảo Q.

Tổng số tiền cọc ông H, bà T đã chuyển để ông Q đi thu mua lúa và giao lại cho ông H, bà T mà ông Q đã nhận là 222.000.000đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng). Hai bên giao kết đến ngày 20/10/2020 ông Q sẽ giao lúa tại đồng của nông dân cho ông H, bà T với số lượng là 700 tấn lúa loại 6976, giá thỏa thuận là 5.700đồng/kilogam và ông H, bà T sẽ trực tiếp trả tiền cho người bán sau khi đã đối trừ số tiền ông Q đã đặt cọc trước đó. Đến ngày giao nhận lúa nhưng ông Q thông báo cho ông H và bà T biết là không có lúa để giao. Khi hai bên liên lạc qua điện thoại thì ngoài việc ông Q cho biết không giao được số lượng lúa như thỏa thuận thì còn cho biết trong quá trình đi thu mua lúa, do lúa mua bị ngã đỗ nên đã bị lỗ với số tiền là 16.000.000đồng nên ông H, bà T đã thống nhất bù khoản lỗ này cho ông Q và số tiền cọc đã giao trước đó, hai bên thống nhất số tiền ông Q còn nợ là 206.000.000đồng. Sau đó do nhiều lần liên hệ qua điện thoại nhưng không được nên ông H, bà T có đến nhà yêu cầu ông Q trả lại số tiền cọc thì ông Q hẹn 03 tháng sau sẽ trả tiền cọc lại nhưng đến nay ông Q chưa trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu ông Lâm Bảo Q có nghĩa vụ trả lại cho ông H và bà T tổng số tiền cọc mua lúa là 206.000.000đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

- *Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/02/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày cũng như yêu cầu của ông H tại phiên tòa hôm nay, bà không có yêu cầu gì khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18 tháng 6 năm 2021, bị đơn ông Lâm Bảo Q trình bày:* Ông thừa nhận việc ông H, bà T có giao tiền cọc để ông đi thu mua lúa của nông dân, sau đó sẽ giao lúa lại cho ông H, bà T với tổng số tiền ông đã nhận là 222.000.000đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng), cách thức nhận tiền là do ông H và bà T chuyển khoản vào hệ thống ngân hàng vào số tài khoản của ông. Sau đó hai bên tính kết toán lại tiền lỗ trong quá trình ông đi mua lúa thì số tiền ông còn nợ là 206.000.000đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H bà T buộc ông trả số tiền cọc mua lúa là 222.000.000đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng) ông không thống nhất, ông chỉ đồng ý trả lại cho ông H và bà T số tiền cọc mua lúa ông còn nợ sau khi hai bên kết toán lại là 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Về cách thức thanh toán, ông xin được trả số tiền này cho ông H và bà T với phương thức mỗi vụ lúa trả

40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng). Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tuy nhiên bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

+ Tại phiên tòa bị đơn ông Lâm Bảo Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm Bảo Q tại phiên tòa.

+ Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Chỉ yêu cầu ông Lâm Bảo Q có nghĩa vụ trả lại số tiền đặt cọc là 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền đặc cọc nhằm đảm bảo cho việc mua bán lúa là 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 6 năm 2021, bị đơn ông Lâm Bảo Q trình bày ông thống nhất việc có nhận tiền cọc của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 222.000.000đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng) nhằm đảm bảo cho việc ông nhận tiền cọc của ông H, bà T để đi thu mua lúa của nông dân, sau đó sẽ giao lúa lại cho ông H, bà T, cách thức nhận tiền là do ông H và bà T chuyển khoản vào số tài khoản của ông. Sau đó hai bên tính kết toán lại tiền lỗ khi ông đi thu mua lúa để giao cho ông H, bà T thì số tiền cọc ông còn nợ ông H và bà T là 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H bà T buộc ông trả số tiền cọc mua lúa là 222.000.000đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng) ông không thống nhất, ông đồng ý trả lại cho ông H và bà T số tiền cọc mua lúa ông còn nợ sau khi hai bên kết toán là 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ

luật Tố tụng dân sự thì những tình tiết nêu trên không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật.

[3]. Xét về hình thức của Hợp đồng đặt cọc: Hợp đồng đặt cọc nhằm đảm bảo cho việc ông Q sau khi nhận tiền cọc của ông H, bà T để đi thu mua lúa của nông dân, sau đó sẽ giao lúa lại cho ông H, bà T để hưởng tiền huê hồng trên cơ sở thỏa thuận bằng lời nói giữa hai bên, không được lập bằng văn bản. Tuy nhiên, loại hợp đồng này không thuộc trường hợp bắt buộc phải lập thành văn bản. Tại thời điểm xác lập hợp đồng đặt cọc, các bên tham gia đều đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hình thức của hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 328 của Bộ luật Dân sự.

[4]. Xét về nội dung của hợp đồng đặt cọc: Việc các bên xác lập hợp đồng đặt cọc là để đảm bảo cho việc mua bán lúa, cụ thể sau khi nhận tiền cọc thì ông Q có trách nhiệm đi thu mua lúa sau đó giao lại cho ông H và bà T vào ngày 20/10/2020, với số lượng là 700 tấn lúa, loại lúa 6976, giá thỏa thuận là 5.700đồng/kilogam để hưởng tiền huê hồng. Như vậy đối tượng của hợp đồng đặt cọc là có thật phù hợp với quy định tại Điều 431 Bộ luật Dân sự; các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng. Trong hợp đồng đặt cọc có nêu số lượng, chủng loại và giá lúa và thời gian giao lúa một cách cụ thể. Như vậy, nội dung của hợp đồng đặt cọc là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng đặt cọc có hiệu lực pháp luật.

[5]. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng), yêu cầu trả 01 lần; quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận và thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng xin trả theo hình thức mỗi vụ lúa trả 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng). Xét thấy, theo các tài liệu phân tích nêu trên đủ cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận có xác lập hợp đồng đặc cọc nhằm đảm bảo thực hiện việc mua bán lúa với ông Lâm Bảo Q với nội dung sau khi nhận đủ số tiền cọc là 222.000.000đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng) thì ông Q có trách nhiệm đi thu mua và giao lúa cho ông H và bà T vào ngày 20/10/2020, với số lượng là 700 tấn lúa, loại lúa 6976, giá thỏa thuận là 5.700đồng/kilogam; ông Q đã nhận đủ số tiền cọc là 222.000.000đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng), nhưng không thực hiện đúng việc giao lúa theo thỏa thuận và hiện nay còn nợ ông H và bà T tổng số tiền là 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng) là có thật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự "*Nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc*". Do ông Lâm Bảo Q đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng đặt cọc, nên phía nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn ông Q phải trả lại số tiền đặt cọc còn nợ là 206.000.000đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về phạt cọc: Do các bên không có thỏa thuận về việc phạt cọc, đồng thời nguyên đơn ông H và bà T cũng không có yêu cầu phạt cọc do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Lâm Bảo Q phải chịu 10.300.000đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T: Buộc ông Lâm Bảo Q phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T số tiền đã nhận đặt cọc là 206.000.000đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu đồng) .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lâm Bảo Q phải chịu 10.300.000đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng) án phí án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.550.000đồng (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008161 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo